

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /CHHĐTVN-KCHT
V/v xin ý kiến nội dung dự thảo Thông tư quy
định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các: Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cục Cảnh sát giao thông;
- Các: Vụ, Cục thuộc Bộ Xây dựng;
- Trung tâm Công nghệ thông tin;
- Văn phòng Bộ.

Thực hiện Quyết định số 1555/QĐ-BXD ngày 17/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Điều chỉnh, bổ sung Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, để hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trước khi trình thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng ký ban hành, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đề nghị Quý cơ quan, đơn vị nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Thông tư được gửi kèm theo văn bản này.

Văn bản góp ý đề nghị gửi về Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, số 8 Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Hà Nội **trước ngày 20/10/2025** (file mềm đề nghị gửi về địa chỉ: huukhanh.may2378@gmail.com¹) để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Văn phòng Cục (đăng trên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, KCHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Lê Minh Đạo

¹ Thông tin chi tiết xin liên hệ đ/c Nguyễn Hữu Khanh – Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; số điện thoại: 0913849735.

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ GỬI CÔNG VĂN

*(Kèm theo Công văn số /CHHĐTVN ngày tháng năm 2025
của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam)*

I. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Bộ Quốc phòng
2. Bộ Công an
3. Bộ Tài chính
4. Bộ Nội Vụ
5. Bộ Tư pháp
6. Bộ Công Thương
7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8. Bộ Nông nghiệp và Môi trường
9. Bộ Dân tộc và Tôn giáo
10. Bộ Y tế
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo
12. Thanh tra Chính phủ
13. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

II. 34 Ủy ban nhân dân tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương**III. Các Cục, Vụ thuộc Bộ**

Số: /2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1757/2025/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý đường thủy nội địa, bao gồm: phân loại, quyết định cấp kỹ thuật, phạm vi hành lang bảo vệ luồng; công bố mở, đóng đường thủy nội địa, đường thủy nội địa chuyên dùng, cảng, bến thủy nội địa; dự án đầu tư xây dựng công trình và các hoạt động liên quan đến giao thông đường thủy nội địa; bảo đảm an toàn trong hoạt động giao thông đường thủy nội địa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là công trình giao thông gồm: luồng đường thủy nội địa; hành lang bảo vệ luồng; cảng thủy nội địa; bến thủy nội địa; khu neo đậu; khu chuyển tải; bến khách ngang sông; kè, đập giao thông; âu tàu; công trình đưa phương tiện qua đập, thác; nhà trạm; báo hiệu đường thủy nội địa; công trình, vật kiến trúc và các công trình phụ trợ khác (nếu có) phục vụ công tác quản lý, bảo trì, tuyên truyền hoạt động giao thông vận tải đường thủy nội địa.
2. Luồng chạy tàu thuyền là vùng nước được giới hạn bao gồm bằng hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa hoặc tọa độ giới hạn biên luồng để phương tiện đi lại thông suốt, an toàn (sau đây gọi là luồng).
3. Chiều dài đường thủy nội địa được xác định từ điểm đầu đến điểm cuối theo chiều dài của tim luồng đường thủy nội địa.
4. Tuyến đường thủy nội địa là một hoặc nhiều luồng chạy tàu, thuyền trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm, phá, vụng, vịnh, ven bờ biển, ra đảo, nối các đảo. Chiều dài tuyến đường thủy nội địa được xác định từ điểm đầu đến điểm cuối.
5. Công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tạm (sau đây gọi là công trình tạm) là công trình phục vụ thi công có thời gian hoạt động đến khi hoàn thành việc thi công công trình; bến dân sinh, bến khách ngang sông phục vụ mục đích dân sinh của tổ chức, cá nhân; cảng bến hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong ngắn hạn. Các công trình tạm không được xây dựng kết cấu cố định kiên cố.

Chương II

QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 4. Nguyên tắc quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải tuân thủ các quy định tại Luật Giao thông đường thủy, quy định về đầu tư, đầu tư công, xây dựng, đất đai, khoáng sản, môi trường và các quy định khác có liên quan của pháp luật.
2. Đầu tư xây dựng đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu phải phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hoặc quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật (trừ công trình tạm, bến dân sinh, bến khách ngang sông phục vụ mục đích dân sinh của tổ chức, cá nhân không hoạt động thương mại).
3. Trường hợp đường thủy nội địa đã có trong quy hoạch được phê duyệt chỉ cần khảo sát luồng, thiết lập báo hiệu để khai thác, Bộ Xây dựng giao Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Xây dựng tổ chức khảo sát luồng, thiết lập báo hiệu. Sau khi hoàn thành khảo sát luồng, thiết lập báo hiệu, thực hiện thủ tục công bố mở đường thủy nội địa theo quy định tại Thông tư này. Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo từ

nguồn chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hoặc nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Khu nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu không được chồng lấn với luồng; chiều dài khu nước cảng, bến thủy nội địa không vượt quá khu đất tiếp giáp với sông, kênh, rạch được cơ quan có thẩm quyền cấp để xây dựng cảng, bến thủy nội địa.

5. Cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu phải được cơ quan có thẩm quyền công bố mở theo quy định trước khi đưa vào hoạt động.

6. Cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu đã hết thời hạn hoạt động ghi trong quyết định công bố mở, nếu không tiếp tục hoạt động Chủ công trình phải tháo dỡ công trình, thiết bị có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, rà quét và thanh thải vật chướng ngại trong khu nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày hết thời hạn hoạt động theo quy định. Cơ quan có thẩm quyền công bố mở cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) kiểm tra việc tháo, dỡ công trình cảng, bến thủy nội địa, rà quét và thanh thải vật chướng ngại trong khu nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

7. Quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tại Thông tư này không áp dụng đối với cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc cảng, bến, khu neo đậu phục vụ nghề cá theo Luật Thủy sản.

8. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng thiết lập và công bố hoạt động khu neo đậu để phương tiện neo đậu và neo đậu phòng chống thiên tai trên đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý.

9. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, kiểm tra hoạt động của hệ thống báo hiệu đường thủy trong phạm vi quản lý.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Bộ Xây dựng giao Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Xây dựng tổ chức quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý và đường thủy nội địa quốc gia do Bộ trưởng Bộ Xây dựng phân cấp.

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không sử dụng nguồn vốn Nhà nước quyết định tổ chức quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Đặt tên, đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

Cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu được đặt tên và theo nguyên tắc sau đây:

1. Cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu được đặt tên khi lập dự án đầu tư xây dựng hoặc khi công bố mở.
2. Không đặt tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trùng nhau trên một địa bàn cấp tỉnh, không gây nhầm lẫn với tên của cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu đã công bố mở hoặc không đúng với tên gọi, chức năng của cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu đó.
3. Không sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để đặt tên hoặc một phần tên riêng của cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trừ trường hợp có sự đồng ý của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.
4. Không sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.
5. Tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu viết bằng tiếng Việt bắt đầu là cụm từ “Cảng thủy nội địa” hoặc “Bến thủy nội địa” hoặc “Khu neo đậu”, tiếp theo là tên riêng của cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu. Tên riêng của cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu được đặt bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh
6. Khi đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu phải gửi thông báo bằng văn bản về việc đổi tên cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan Cảng vụ trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc trực thuộc chính quyền địa phương (sau đây gọi là Cơ quan Cảng vụ) và cơ quan công bố mở để biết, tổng hợp, theo dõi, quản lý.

Điều 7. Phân loại đường thủy nội địa

1. Đường thủy nội địa quốc gia đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:
 - a) Đi qua hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên có vai trò quan trọng phục vụ phát triển kinh tế vùng, liên vùng, quốc phòng, an ninh quốc gia;
 - b) Trong địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kết nối trực tiếp với tuyến vận tải ven biển hoặc nối trực tiếp với hai đường thủy nội địa quốc gia phục vụ phát triển kinh tế vùng, liên vùng, quốc phòng, an ninh quốc gia.
2. Đường thủy nội địa địa phương không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này.
3. Đường thủy nội địa chuyên dùng nối khu nước cảng, bến thủy nội địa với đường thủy nội địa quốc gia hoặc đường thủy nội địa địa phương.

Điều 8. Cấp kỹ thuật và công bố danh mục đường thủy nội địa

1. Bộ Xây dựng quyết định cấp kỹ thuật và công bố danh mục đường thủy nội địa trên cơ sở đề nghị của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đối với:

- a) Đường thủy nội địa quốc gia;
- b) Đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp kỹ thuật và công bố danh mục đường thủy nội địa trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng đối với:

- a) Đường thủy nội địa địa phương;
- b) Đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.

3. Tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa chuyên dùng có trách nhiệm báo cáo danh mục đường thủy nội địa đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc Sở Xây dựng theo phạm vi quản lý trước ngày 20 tháng 02 hàng năm để cập nhật danh mục đường thủy nội địa.

4. Sở Xây dựng báo cáo danh mục đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý về Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

5. Danh mục đường thủy nội địa gồm các thông tin chủ yếu sau: tên đường thủy nội địa; chiều dài; điểm đầu; điểm cuối; cấp kỹ thuật; thông số kỹ thuật; địa danh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đường thủy nội địa đi qua.

Điều 9. Thẩm quyền, nội dung công bố mở, đóng đường thủy nội địa

1. Thẩm quyền công bố mở, đóng đường thủy nội địa

a) Bộ Xây dựng công bố mở, đóng đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố mở, đóng đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.

2. Nội dung công bố mở, đóng đường thủy nội địa gồm các thông tin chủ yếu sau: tên đường thủy nội địa; điểm đầu; điểm cuối; cấp kỹ thuật; thông số kỹ thuật; địa danh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đường thủy nội địa đi qua; thời gian bắt đầu khai thác hoặc đóng đường thủy nội địa

3. Quyết định công bố mở (hoặc đóng) đường thủy nội địa theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này

Điều 10. Thủ tục công bố mở đường thủy nội địa

1. Hồ sơ đề nghị công bố mở đường thủy nội địa gồm:

a) Văn bản đề nghị theo Mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính hoặc bản điện tử trên cổng dịch vụ công);

b) Đối với đường thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng: Biên bản nghiệm thu, bản vẽ bình đồ hoàn thành công trình (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính). Trên bình đồ thể hiện địa danh, tọa độ giới hạn biên luồng được xác định theo hệ tọa độ VN-2000, mực nước chạy tàu, bố trí báo hiệu và các công trình hiện có.

c) Đối với đường thủy nội địa không có dự án đầu tư xây dựng: Bình đồ hiện trạng đường thủy nội địa (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính). Trên bình đồ thể hiện địa danh, tọa độ giới hạn biên luồng được xác định theo hệ tọa độ VN-2000, mực nước chạy tàu, bố trí báo hiệu và các công trình hiện có.

2. Trình tự thực hiện thủ tục công bố mở hoặc đóng đường thủy nội địa

a) Tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc trên cổng dịch vụ công đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9;

b) Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố mở đường thủy nội địa; trường hợp không đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định thì trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi tổ chức, cá nhân qua hệ thống bưu chính hoặc trên cổng dịch vụ công lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Điều 11. Công bố đóng đường thủy nội địa

1. Công bố đóng đường thủy nội địa thực hiện trong các trường hợp:

a) Vì lý do an ninh, quốc phòng liên quan đến đường thủy nội địa;

b) Trong quá trình khai thác, đường thủy nội địa không đảm bảo an toàn cho hoạt động giao thông vận tải;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa không còn nhu cầu khai thác vận tải.

2. Đối với trường hợp đóng đường thủy nội địa quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9 quyết định công bố đóng đường thủy nội địa trên cơ sở đề nghị của cơ quan công an, quốc phòng.

3. Đối với trường hợp đóng đường thủy nội địa quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9 quyết định công bố đóng đường thủy nội địa trên cơ sở đề nghị của Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Sở Xây dựng

4. Đối với trường hợp đóng đường thủy nội địa quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9 quyết định công bố đóng đường thủy nội địa trên cơ sở đề nghị của tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa.

a) Tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa gửi văn bản đề nghị đóng đường thủy nội địa theo Mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính hoặc bản điện tử trên cổng dịch vụ công) qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc trên cổng dịch vụ công đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố đóng đường thủy nội địa

Điều 12. Chuyển đổi đường thủy nội địa

1. Điều kiện chuyển đổi đường thủy nội địa

a) Phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được phê duyệt;

b) Đáp ứng điều kiện của đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2. Thẩm quyền chuyển đổi đường thủy nội địa

a) Bộ Xây dựng quyết định chuyển đổi đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng thành đường thủy nội địa quốc gia hoặc đường thủy nội địa quốc gia thành đường thủy nội địa địa phương;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển đổi đường thủy nội địa chuyên dùng thành đường thủy nội địa địa phương hoặc đường thủy nội địa địa phương thành đường thủy nội địa chuyên dùng.

3. Hồ sơ chuyển đổi đường thủy nội địa

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bình đồ thể hiện địa danh, lý trình, vị trí báo hiệu, các công trình hiện có trên đường thủy nội địa (bản chính).

4. Trường hợp đường thủy nội địa địa phương chuyển thành đường thủy nội địa quốc gia hoặc đường thủy nội địa quốc gia thành đường thủy nội địa địa phương: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng nộp 01 bộ hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng ban hành quyết định chuyển đổi đường thủy nội địa theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Quyết định chuyển đổi đường thủy nội địa đồng thời là quyết định công bố mở đường thủy nội địa.

5. Khi có quyết định chuyển đổi đường thủy nội địa, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện điều chuyển tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Sau khi được cấp

có thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản, cơ quan, đơn vị nhận tài sản thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác theo quy định.

6. Trường hợp đường thủy nội địa chuyên dùng chuyển thành đường thủy nội địa quốc gia hoặc thành đường thủy nội địa địa phương thì thực hiện theo trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Điều 13. Thông báo đường thủy nội địa

1. Thông báo đường thủy nội địa là văn bản do cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều này ban hành, thông báo trên cơ sở kết quả kiểm tra hiện trạng hoặc kết quả khảo sát thông báo đường thủy nội địa để phục vụ quản lý và cung cấp thông tin, chỉ dẫn cho thuyền viên, người lái phương tiện và tổ chức, cá nhân liên quan nhằm bảo đảm an toàn giao thông.

2. Thông báo đường thủy nội địa được phân thành những loại thông báo sau:

a) Thông báo thông số kỹ thuật đường thủy nội địa định kỳ trên cơ sở kết quả khảo sát thông báo đường thủy nội địa theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thông báo thông số kỹ thuật đường thủy nội địa thường xuyên trên cơ sở kết quả kiểm tra hiện trạng đường thủy nội địa theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Thông báo thông số kỹ thuật đường thủy nội địa đột xuất hạn chế giao thông trên đường thủy nội địa, thông báo khu vực thi công công trình, thông báo về vật chướng ngại nguy hiểm xuất hiện đột xuất trên đường thủy nội địa, thông báo công trình ngầm, công trình vượt qua đường thủy nội địa và thông báo liên quan khác theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

3. Trách nhiệm thông báo

a) Cơ quan Cảng vụ thực hiện các thông báo đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý;

b) Sở Xây dựng thực hiện các thông báo đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý.

4. Thông báo đường thủy nội địa bằng văn bản và đăng trên trang thông tin điện tử của cơ quan thông báo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc bằng các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Tổ chức, cá nhân có thủy nội địa gửi bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị thông báo thông số kỹ thuật đường thủy nội địa, vùng nước cảng, khu neo đậu theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này bằng hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 14. Hành lang bảo vệ luồng

Phạm vi hành lang bảo vệ luồng được xác định từ biên luồng trở ra mỗi bên

- a) Đối với đường thủy nội địa trên hồ, vịnh, cửa sông ra biển, ven bờ biển và đường thủy nội địa cấp đặc biệt: từ 20 m đến 25 m;
- b) Đối với đường thủy nội địa cấp I, cấp II: từ 15 m đến 20 m;
- c) Đối với đường thủy nội địa cấp III, cấp IV: từ 10 đến 15 m;
- d) Đối với đường thủy nội địa cấp V, cấp VI: là 10 m.

2. Phạm vi hành lang bảo vệ luồng trong trường hợp biên luồng đi cách mép nước khoảng 20m, hành lang bảo vệ được tính từ mép bờ tự nhiên trở vào phía bờ ít nhất là 5 m; trường hợp đường thủy nội địa đi qua khu vực thành phố, thị xã, thị trấn thì phạm vi hành lang bảo vệ luồng là chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trường hợp phạm vi hành lang bảo vệ luồng trùng với hành lang an toàn cầu đường bộ, cầu đường sắt thì phạm vi hành lang bảo vệ được tính từ biên luồng tới mép nước bờ tự nhiên và thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ hành lang an toàn cầu đường bộ, cầu đường sắt.

Chương III

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA, CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Mục 1

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 15. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa, thiết lập khu neo đậu

1. Nội dung thỏa thuận

- a) Quy mô công trình;
- b) Vị trí xây dựng (tọa độ xây dựng);
- c) Địa điểm xây dựng
- d) Mục đích sử dụng (công năng);

2. Thẩm quyền thỏa thuận

a) Trên phạm vi quản lý, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng đối với: đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa, khu neo đậu trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, vùng nước cảng biển;

b) Trên phạm vi quản lý, Sở Xây dựng thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng đối với: đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa

phương; cảng thủy nội địa, khu neo đậu trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương;

c) Trên phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa thuộc phạm vi địa giới hành chính.

Trước khi thỏa thuận, Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến của Cơ quan Cảng vụ tại khu vực (trong trường hợp bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia), Sở Xây dựng (trong trường hợp bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương) trên phạm vi quản lý về ảnh hưởng của công trình đến an toàn giao thông đường thủy nội địa. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cơ quan Cảng vụ, Sở Xây dựng trả lời Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Hồ sơ thỏa thuận thông số kỹ thuật: đường thủy nội địa, đường thủy nội địa chuyên dùng; xây dựng cảng, bến thủy nội địa, thiết lập khu neo đậu gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị theo Mẫu số 08 hoặc Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bình đồ vị trí xây dựng: thể hiện địa danh, vị trí công trình, tọa độ khu nước; lý trình (km) sông, kênh, rạch (nếu có); tọa độ khu đất; các công trình liên kề (nếu có). Khu nước trên bản vẽ phải thể hiện chiều dài, chiều rộng tối thiểu từ mép bờ đến tim đường thủy nội địa và các điểm giới hạn vùng nước được xác định theo hệ tọa độ VN-2000;

c) Giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền được sử dụng đất hoặc vùng nước để xây dựng công trình (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

4. Hồ sơ thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không hoạt động thương mại

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bình đồ vị trí xây dựng bến thủy nội địa: thể hiện địa danh, vị trí công trình, vùng đất, vùng nước trước bến thủy nội địa, lý trình (km) sông, kênh, rạch và các công trình liên kề (nếu có);

c) Giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền được sử dụng khu đất để xây dựng công trình (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

5. Trình tự thỏa thuận

Chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này có văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng công trình gửi chủ đầu tư.

6. Thời hạn của văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu không quá 24 tháng, kể từ ngày ký văn bản. Sau ngày văn bản thỏa thuận hết hiệu lực, nếu chủ đầu tư chưa tiến hành xây dựng mà có nhu cầu tiếp tục xây dựng công trình thì phải thực hiện lại thủ tục thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng công trình theo quy định tại Điều này.

Điều 16. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông

1. Nội dung thỏa thuận

- a) Quy mô công trình;
- b) Vị trí xây dựng (tọa độ xây dựng);
- c) Địa điểm xây dựng
- d) Mục đích sử dụng (công năng);

2. Thẩm quyền thỏa thuận: Ủy ban nhân dân cấp xã thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông trên địa bàn thuộc địa giới hành chính.

Trước khi thỏa thuận, Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến của Cơ quan Cảng vụ tại khu vực (trong trường hợp bến khách ngang sông trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia), Sở Xây dựng (trong trường hợp bến khách ngang sông trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương) trên phạm vi quản lý về ảnh hưởng của công trình đến an toàn giao thông đường thủy nội địa. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cơ quan Cảng vụ, Sở Xây dựng trả lời Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Hồ sơ thỏa thuận

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính bản vẽ mặt bằng vị trí dự kiến xây dựng bến khách ngang sông: Thể hiện địa danh, vị trí công trình lân cận (nếu có), tọa độ khu đất, tọa độ khu nước hoặc lý trình (km) sông, kênh, rạch.

c) Giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền được sử dụng khu đất để xây dựng công trình (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử

4. Trình tự thực hiện

Chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư.

5. Thời hạn của văn bản thỏa thuận không quá 24 tháng. Sau ngày văn bản thỏa thuận hết hiệu lực, nếu chủ đầu tư chưa tiến hành xây dựng bến mà có nhu cầu tiếp tục xây dựng bến thì phải thực hiện lại thủ tục thỏa thuận xây dựng bến theo quy định tại Điều này.

6. Trường hợp bến khách ngang sông có một hoặc nhiều vị trí bến đối lưu ở địa bàn xã khác hoặc tỉnh, thành phố khác, trước khi thỏa thuận xây dựng bến, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phải thống nhất với Ủy ban nhân dân cùng cấp có bến đối lưu.

Điều 17. Công bố mở cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu (trừ bến khách ngang sông)

1. Cơ quan thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này đồng thời là cơ quan có thẩm quyền công bố mở cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

2. Hồ sơ công bố mở cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 10 hoặc Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công công trình (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của kết cấu nổi (nếu sử dụng kết cấu nổi làm cầu cảng), các phương tiện, thiết bị xếp, dỡ hàng hóa, phao neo thuộc đối tượng phải đăng kiểm hoặc kiểm định (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);

d) Biên bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);

đ) Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

3. Hồ sơ công bố mở bến thủy nội địa dân sinh của của tổ chức, cá nhân không hoạt động thương mại:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, bản vẽ hoàn công công trình (nếu có); báo cáo hoàn thành công trình (đối với bến thủy nội địa của hộ gia đình, cá nhân không hoạt động thương mại);

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của kết cấu nổi nếu sử dụng kết cấu nổi làm cầu bến hoặc bến nổi (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);

4. Hồ sơ công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Quyết định công bố mở bến thủy nội địa;

5. Trình tự thực hiện

a) Trước khi đưa công trình cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu vào hoạt động, chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố mở cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố mở đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu theo Mẫu số 12; khu neo đậu theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp, nếu đủ hồ sơ hợp lệ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp không đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến nếu không đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi tổ chức, cá nhân qua hệ thống bưu chính hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến thông tin đến tổ chức, cá nhân liên quan lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

6. Thời hạn hiệu lực của quyết định công bố mở cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu theo thời hạn giấy chứng nhận đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền hoặc thời hạn sử dụng đất.

7. Trường hợp cảng thủy nội địa xây dựng xong một hoặc nhiều cầu cảng, chủ đầu tư có nhu cầu khai thác ngay, chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này và nộp đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này bằng hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Thời hạn hiệu lực của quyết định công bố mở tạm thời không quá một (01) năm.

Điều 18. Công bố mở bến khách ngang sông

1. Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan có thẩm quyền công bố mở bến khách ngang sông.

2. Hồ sơ công bố mở

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị công bố mở theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của kết cấu nổi nếu sử dụng kết cấu nổi làm bến (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

3. Trình tự thực hiện

a) Trước khi đưa bến khách ngang sông vào hoạt động, chủ bến nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị công bố mở;

b) Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công bố mở bến khách ngang sông theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

4. Thời hạn của quyết định công bố mở bến khách ngang sông theo thời hạn sử dụng đất hoặc thời hạn hoạt động của dự án.

Điều 19. Bảo trì, kiểm định công trình cảng, bến thủy nội địa

1. Chủ cảng, bến hoặc người quản lý khai thác cảng, bến phải lập quy trình bảo trì, kiểm định chất lượng công trình cảng, bến thủy nội địa theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Chủ cảng, bến hoặc người quản lý khai thác cảng, bến phải thực hiện việc bảo trì, kiểm định chất lượng công trình cảng, bến theo quy trình bảo trì.

3. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định về bảo trì, kiểm định chất lượng công trình cảng, bến thủy nội địa của người quản lý khai thác thuộc phạm vi quản lý.

Điều 20. Cải tạo, nâng cấp cảng, bến thủy nội địa

1. Cảng, bến thủy nội địa được cải tạo nâng cấp để thay đổi quy mô, công năng so với quyết định đã được cơ quan có thẩm quyền công bố mở khi phù hợp với quy hoạch được phê duyệt. Việc cải tạo, nâng cấp cảng, bến thủy nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Chủ cảng, bến thủy nội địa quyết định thay đổi quy mô, công năng khi cải tạo, nâng cấp và phải gửi thông báo nêu rõ: tên cảng, bến thủy nội địa; thời gian; phạm vi sửa chữa, cải tạo nâng cấp; quy mô, công năng sau khi cải tạo, nâng cấp đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này để kiểm tra, theo dõi.

3. Chủ cảng, bến thủy nội địa kiểm định chất lượng công trình theo quy mô, công năng sau khi cải tạo, nâng cấp và thực hiện công bố mở theo quy định tại Thông tư này.

Hồ sơ công bố bổ sung thêm hồ sơ kiểm định, kiểm tra tính toán an toàn cảng, bến thủy nội địa sau nâng cấp.

4. Trường hợp cảng, bến thủy nội địa không thay đổi kết cấu công trình nhưng có nhu cầu tăng quy mô, công năng, Chủ cảng, bến phải thực hiện kiểm định chất lượng công trình phù hợp với quy mô, công năng tăng lên và thực hiện thủ tục công bố mở cảng, bến theo quy định tại Thông tư này.

Hồ sơ công bố bổ sung thêm hồ sơ kiểm định, kiểm tra tính toán an toàn cảng, bến thủy nội địa sau nâng cấp.

Điều 21. Bến thủy nội địa nâng cấp thành cảng thủy nội địa

1. Bến thủy nội địa nâng cấp thành cảng thủy nội địa khi đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Bến thủy nội địa đã được công bố mở;
- b) Phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Bến thủy nội địa có quy mô và đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cảng thủy nội địa.

2. Chủ bến thủy nội địa quyết định nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa.

3. Trường hợp nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa giữ nguyên quy mô, công năng, Chủ bến thủy nội địa thực hiện công bố mở cảng theo quy định tại Thông tư này.

4. Trường hợp nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa nhưng có nhu cầu tăng quy mô, công năng, Chủ bến phải thực hiện kiểm định chất lượng kết cấu chịu lực công trình phù hợp với quy mô, công năng tăng lên và thực hiện thủ tục công bố mở cảng theo quy định tại Thông tư này.

Hồ sơ công bố bổ sung thêm hồ sơ kiểm định kết cấu chịu lực, kiểm tra tính toán an toàn cảng thủy nội địa.

Điều 22. Chấp thuận việc thiết lập và thỏa thuận thông số kỹ thuật công trình tạm

1. Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận việc thiết lập và thỏa thuận thông số kỹ thuật công trình tạm đến Ủy ban nhân dân cấp xã theo hình thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trực tuyến trên cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Chậm nhất 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến thống nhất của Cơ quan Cảng vụ đối với công trình trên đường thủy nội địa quốc gia, Sở Xây dựng đối với công trình trên đường thủy nội địa địa phương và các cơ quan liên quan.

3. Chậm nhất 02 ngày làm việc, các cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến có văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thiết lập công trình tạm qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trực tuyến trên cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thiết lập công trình tạm. Trường hợp chấp thuận thiết lập công trình tạm, Ủy ban nhân dân cấp xã đồng thời thỏa thuận thông số kỹ thuật công trình tạm gửi văn bản cho Chủ đầu tư qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trực tuyến trên cổng thông tin một cửa quốc gia.

5. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc thiết lập và thỏa thuận thông số kỹ thuật công trình tạm

a) Văn bản đề nghị theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này hoặc văn bản điện tử trên cổng thông tin một cửa quốc gia (nếu có);

b) Bản vẽ mặt bằng vị trí dự kiến thiết lập công trình tạm thời (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

Điều 23. Công bố mở, đóng công trình tạm

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền công bố mở, đóng công trình tạm.

2. Trình tự công bố mở

a) Trước khi đưa công trình tạm vào hoạt động, chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này đề nghị công bố mở;

b) Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố mở công trình tạm theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

3. Hồ sơ công bố mở

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị công bố mở theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản vẽ hoàn công công trình, thiết lập báo hiệu, biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật hoặc đăng kiểm của kết cấu nổi (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

4. Khi đóng công trình tạm, Chủ đầu tư có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã đóng công trình tạm. Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định công bố đóng công trình tạm theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 2

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHÔNG THUỘC KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 24. Quy định chung về đầu tư xây dựng công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động liên quan đến đường thủy nội địa

1. Các dự án đầu tư xây dựng không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa quy định tại khoản 2, 3 Điều này khi lập dự án, tổ chức hoạt động phải có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 24 Thông tư này.

2. Các công trình xây dựng, gồm:

- a) Kè, đập thủy lợi, cầu, âu tàu, bến phà;
- b) Phong điện, nhiệt điện, thủy điện;
- c) Công trình vượt qua đường thủy nội địa trên không hoặc dưới đáy đường thủy nội địa;
- d) Công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường thủy nội địa.

3. Các hoạt động, gồm:

- a) Hoạt động thi công công trình (bao gồm hoạt động nạo vét khu nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, hạ thủy phương tiện, tàu biển, tàu cá); khai thác tài nguyên, khoáng sản;
- b) Khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản (bè cá, lồng cá, đăng, đáy cá, bãi nuôi trồng thủy sản, hải sản); tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, diễn tập, thể thao, lễ hội; họp chợ, làng nghề, thực hành đào tạo nghề;
- c) Các hoạt động khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường thủy nội địa.

4. Các công trình xây dựng và các hoạt động ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường thủy nội địa phải thiết lập báo hiệu để chỉ dẫn, định hướng xác định vị trí luồng chạy tàu đi lại an toàn, hiệu quả.

5. Cơ quan cảng vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi chấp hành quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng các công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động liên quan đến đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý.

Điều 25. Thẩm quyền, nội dung có ý kiến về nội dung liên quan đến giao thông đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động liên quan đến đường thủy nội địa

1. Thẩm quyền có ý kiến

- a) Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có ý kiến đối với các công trình, các hoạt động trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Sở Xây dựng có ý kiến đối với công trình, các hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa quốc gia được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phân cấp.

2. Nội dung ý kiến của cơ quan có thẩm quyền

a) Đối với cầu vĩnh cửu, cầu tạm: vị trí xây dựng, kích thước khoang thông thuyền (chiều rộng, chiều cao tĩnh không);

b) Đối với cầu quay, cầu cút, cầu phao, công trình thủy lợi, thủy điện kết hợp giao thông: vị trí xây dựng, kích thước khoang thông thuyền (chiều rộng, chiều cao tĩnh không, chiều dài, độ sâu ngưỡng âu);

c) Đối với đường dây, đường ống, công trình vượt qua đường thủy nội địa trên không: vị trí xây dựng, tĩnh không đường dây, đường ống, công trình vượt qua luồng;

d) Đối với công trình ngầm, đường ống, đường dây dưới đáy đường thủy nội địa: vị trí xây dựng; chiều sâu đến đỉnh công trình ngầm, đường ống, đường dây;

đ) Đối với khu vực thi công công trình, nạo vét, khai thác tài nguyên, khoáng sản: vị trí, phạm vi khu vực khai thác, cao độ nạo vét, khai thác;

e) Khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản, đặt ngư cụ cố định đánh bắt thủy, hải sản; hoạt động thực hành đào tạo nghề; đặt nhà hàng nổi, khách sạn nổi; khu vực họp chợ, làng nghề, khu vui chơi, giải trí: vị trí, phạm vi hoạt động.

Điều 26. Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa

1. Các dự án đầu tư xây dựng công trình, khu vực hoạt động có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa (trên luồng, hành lang bảo vệ luồng, khu nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và khu nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải) quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 24 Thông tư này phải có phương án, biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trong suốt thời gian thi công công trình, tổ chức hoạt động.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình, tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện phương án đảm bảo an toàn giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

3. Thẩm quyền chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông

a) Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động liên quan đến quốc phòng, an ninh trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia;

b) Cơ quan Cảng vụ chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; hoạt động cải tạo, nâng

cấp và hoạt động khác trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý, trừ quy định tại điểm a và điểm c khoản này;

c) Sở Xây dựng chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải thuộc địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trên đường thủy nội địa quốc gia được Bộ Xây dựng phân cấp quản lý.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông theo quy định tại điểm c khoản này khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền hoặc phân cấp

4. Nội dung của phương án bảo đảm an toàn giao thông.

a) Thông tin chung về công trình, dự án đầu tư xây dựng, tổ chức hoạt động;

b) Thời gian thi công, xây dựng, tổ chức hoạt động;

c) Phương án thi công, tổ chức hoạt động;

d) Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông;

đ) Phương án tổ chức và phối hợp thực hiện bảo đảm an toàn giao thông.

Điều 27. Thủ tục có ý kiến về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa

Chủ đầu tư xây dựng công trình, tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 24 Thông tư này.

1. Đối với các công trình xây dựng quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư này, hồ sơ gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản vẽ mặt cắt công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);

c) Bản vẽ khu vực xây dựng công trình trên hệ tọa độ quốc gia VN 2000, hệ cao độ nhà nước. Trên bản vẽ thể hiện vị trí công trình và cao độ tự nhiên, địa hình, địa vật của sông, kênh đối với khu vực xây dựng công trình, các công trình liên kề (nếu có) và các thông số kỹ thuật sau:

Đối với cầu vĩnh cửu, cầu tạm: số liệu về kích thước khoang thông thuyền (vị trí, chiều rộng, chiều cao tĩnh không); mặt cắt dọc công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông, kênh;

Đối với cầu quay, cầu cẩu, cầu phao, cầu nâng hạ, công trình thủy điện kết hợp giao thông: số liệu về khoang thông thuyền (vị trí, chiều rộng, chiều cao tĩnh không, chiều dài, độ sâu ngưỡng âu); phương án và công nghệ đóng, mở; bản vẽ thiết kế vị trí, khu nước dự kiến bố trí cho phương tiện neo đậu khi chờ đợi qua công trình;

Đối với đường ống, đường dây, công trình vượt qua đường thủy nội địa trên không: bản vẽ, các số liệu về chiều cao tĩnh không, thể hiện điểm cao nhất của đường ống, đường dây (điểm thấp nhất của đường dây điện, tính cả hành lang an toàn lưới điện), công trình vượt qua đường thủy nội địa;

Đối với công trình ngầm, đường dây, đường ống dưới đáy đường thủy nội địa: bản vẽ thể hiện khoảng cách, cao trình đỉnh công trình đến cao trình đáy thiết kế luồng, phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng;

Đối với công trình đập, thủy điện, thủy lợi: bình đồ và bản vẽ khu vực cảng, bến thủy nội địa hoặc khu vực chuyển tải tại thượng lưu và hạ lưu công trình; phương án bốc xếp, chuyển tải;

Đối với công trình phong điện, nhiệt điện; bến phà, kè: bản vẽ thể hiện mặt bằng khu vực cảng; công trình kè, chỉnh trị khác; kích thước, kết cấu các cầu cảng, kè, công trình chỉnh trị khác và các công trình phụ trợ; khu nước của cảng.

2. Đối với các hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 23 Thông tư này, hồ sơ gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản vẽ thể hiện phạm vi khu vực hoạt động, phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng, các công trình liên quan ở khu vực và phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);

c) Bản vẽ các mặt cắt ngang và hồ sơ mốc để xác định phạm vi, cao trình nạo vét, khai thác tài nguyên, khoáng sản (đối với hoạt động nạo vét cải tạo khu nước cảng, bến thủy nội địa, đường thủy nội địa chuyên dùng vào cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; khai thác tài nguyên, khoáng sản) (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

3. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản gửi chủ đầu tư.

4. Khi triển khai thi công công trình hoặc tổ chức hoạt động, Chủ công trình gửi văn bản thông báo thời gian, tiến độ thực hiện cho Cơ quan Cảng vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo hạn chế giao thông thủy, theo dõi an toàn giao thông thủy qua khu vực.

Điều 28. Thủ tục chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa

1. Chủ đầu tư xây dựng công trình, tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư này. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Phương án thi công, thời gian, tiến độ thi công công trình, tổ chức hoạt động (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);

c) Phương án bảo đảm an toàn giao thông: Thuyết minh chung về phương án, bố trí nhân lực, quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực thi công, thời gian thực hiện (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);

d) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình, phạm vi khu vực tổ chức thi công công trình, tổ chức hoạt động có bố trí vị trí báo hiệu, trạm điều tiết không chế, phương tiện điều tiết không chế theo phương án (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

2. Trình tự chấp thuận

Trong thời hạn 04 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông gửi cho chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân.

3. Đối với trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố trên đường thủy nội địa do nguyên nhân bất khả kháng làm gián đoạn giao thông, cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa chuyên dùng, công trình tạm phải kịp thời tổ chức cảnh giới, cảnh báo, phân luồng bảo đảm giao thông tại khu vực tai nạn, sự cố.

4. Việc bảo đảm an toàn giao thông phục vụ hoạt động nạo vét đường thủy nội địa, khu nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu ngoài việc đảm bảo giao thông phạm vi công trường thi công phải bố trí điều tiết phương tiện bảo đảm giao thông trên phạm vi tuyến đường thủy nội địa.

Điều 29. Hạn chế giao thông đường thủy nội địa

1. Các trường hợp hạn chế giao thông đường thủy nội địa được quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Giao thông đường thủy nội địa.

2. Trước khi thi công công trình hoặc tổ chức các hoạt động trên đường thủy nội địa, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công công trình, tổ chức hoạt động gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền tại Điều 29, hồ sơ gồm: bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và phương án đảm bảo đảm an toàn giao thông được chấp thuận (bản sao hoặc bản sao điện tử

hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính) đề nghị công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa;

Điều 30. Thẩm quyền công bố hạn chế giao thông

1. Cơ quan Cảng vụ công bố hạn chế giao thông trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, vùng nước thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

2. Sở Xây dựng công bố hạn chế giao thông trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, khu nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh, thành phố và đường thủy nội địa quốc gia khi được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phân cấp..

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025. Bãi bỏ Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý đường thủy nội địa.

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 31;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ XD;
- Các Sở Xây dựng;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công báo;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Cục KCHTXD (3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01	Quyết định	Về việc công bố mở (hoặc đóng) luồng đường thủy nội địa	K3 D9
Mẫu số 02	Văn bản	Công bố mở (hoặc đóng) đường thủy nội địa	K1 D10
Mẫu số 03	Văn bản	Chuyển đổi đường thủy nội địa	K2 D12
Mẫu số 04	Quyết định	Chuyển đổi đường thủy nội địa	K4 D12
Mẫu số 05	Văn bản	Thông số kỹ thuật đường thủy nội địa (định kỳ)	Đa Đ13 K2
Mẫu số 06	Văn bản	Thông số kỹ thuật đường thủy nội địa (Thường xuyên/đột xuất)	Đb Đ13 K2
Mẫu số 07	Văn bản	Văn bản đề nghị thông báo luồng	K5 Đ13
Mẫu số 08	Văn bản	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng	Đa Đ15 K3
Mẫu số 09	Văn bản	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng, bến thủy nội địa / khu neo đậu / bến khách ngang sông / công trình tạm	Đa Đ15 K3
Mẫu số 10	Văn bản	Công bố mở cảng thủy nội địa / bến thủy nội địa / bến khách ngang sông	Đa Đ17 K2
Mẫu số 11	Văn bản	Công bố mở khu neo đậu	Đa Đ17 K2
Mẫu số 12	Quyết định	Công bố mở/công bố hoạt động cảng (bến) thủy nội địa/bến khách ngang sông / Công trình tạm	Đa Đ17; Đb K3 Đ18 K5
Mẫu số 13	Quyết định	công bố mở/công bố hoạt động khu neo đậu	Đa Đ17 K5
Mẫu số 14	Quyết định	Về việc công bố đóng cảng (bến) thủy nội địa/công trình tạm ...(1).....	K4 Đ22
Mẫu số 15	Văn bản	Có ý kiến về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình hoặc hoạt động	K1 Đ26
Mẫu số 16	Văn bản	Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa	K1 Đ27
Mẫu số 17	Văn bản	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	K2 Đ28

Mẫu số 01

CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố mở (hoặc đóng) luồng đường thủy nội địa****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ***Căn cứ*;*Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố mở (hoặc đóng) đường thủy nội địa
..... của ... ;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố mở (hoặc đóng) đường thủy nội địa ...(1) ...

Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(2)

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(2)

Chiều dài luồng đường thủy nội địa:km. Từ km thứ đến km thứ

Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:

Thông số kỹ thuật đường thủy nội địa: chiều rộng (B) độ sâu (H) bán kính cong (R)

Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác (hoặc đóng) đường thủy nội địa:

Điều 2. Trong quá trình khai thác (hoặc đóng) đường thủy nội địa, ...(tổ chức, cá nhân) ...có trách nhiệm thực hiện:

1.
2.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1.
2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ...tháng...năm...

3. ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên đường thủy nội địa (ghi rõ đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương hoặc đường thủy nội địa chuyên dùng).

(2) Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực địa phương, múi chiều 3^0) và hệ tọa độ WGS84.

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**Công bố mở (hoặc đóng) đường thủy nội địa (1).....**

Kính gửi:(2).....

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: (Nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:
 Đề nghị ... (2) ... xem xét công bố mở/đóng đường thủy nội địa...
 (1) .., với nội dung sau:

1. Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố)

Tọa độ:(2)

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố)

Tọa độ:(2)

2. Chiều dài luồng đường thủy nội địa:km. Từ km thứ đến km thứ

3. Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:

4. Thông số kỹ thuật đường thủy nội địa:

a) Chiều rộng:

b) Chiều sâu:

c) Bán kính cong nhỏ nhất:

5. Loại luồng (quốc gia, địa phương, chuyên dùng):

6. Công trình hiện có trên luồng (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền):

7. Thời gian bắt đầu khai thác (hoặc đóng) đường thủy nội địa:

7. Các nội dung khác (nếu có):

8. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Đề nghị(2)..... xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:**THỦ TRƯỞNG (4)**

- Như trên; *(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)*
- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên đường thủy nội địa.
- (2) Tên cơ quan có thẩm quyền công bố mở (hoặc đóng) đường thủy nội địa.
- (3) Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực địa phương, múi chiều 3^0) và hệ tọa độ WGS84.
- (4) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Mẫu số 03

TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Chuyển đổi đường thủy nội địa ...(1).....

Kính gửi: ...(2).....

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: ...(Nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)....

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị ...(2)... xem xét chuyển đổi đường thủy nội địa... (1).., với nội dung sau:

1. Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(3)

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(3)

2. Chiều dài luồng đường thủy nội địa:km. Từ km thứ đến km thứ

3. Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:

4. Thông số kỹ thuật đường thủy nội địa:

a) Chiều rộng:

b) Chiều sâu:

c) Bán kính cong nhỏ nhất:

5. Loại luồng (quốc gia, địa phương, chuyên dùng):

6. Công trình hiện có trên luồng (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền):

7. Thời gian bắt đầu khai thác (hoặc đóng) đường thủy nội địa:

8. Các nội dung khác (nếu có):

9. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Đề nghị(2)..... xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG (4)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Tên đường thủy nội địa.
- (2) Tên cơ quan có thẩm quyền chuyển đổi đường thủy nội địa.
- (3) Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực địa phương, múi chiếu 3⁰) và hệ tọa độ WGS84.
- (4) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Mẫu số 04

**CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN
CHUYỂN ĐỔI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển đổi đường thủy nội địa(1)...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CHUYỂN ĐỔI

Căn cứ ;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển đổi đường thủy nội địa(1)

1. Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(2)

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)...., tỉnh (thành phố)...

Tọa độ:(2)

2. Chiều dài luồng đường thủy nội địa:km. Từ km ... đến km

3. Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:

4. Thông số kỹ thuật đường thủy nội địa:

a) Chiều rộng:

b) Chiều sâu:

c) Bán kính cong nhỏ nhất:

5. Loại luồng (quốc gia, địa phương, chuyên dùng):

.....

Điều 2. Trong quá trình khai thác đường thủy nội địa,(tổ chức, cá nhân).... có trách nhiệm thực hiện các quy định sau:

1.

2.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ...tháng...năm...

2. ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

THỦ TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên luồng (ghi rõ luồng quốc gia, luồng địa phương hoặc luồng chuyên dùng).

(2) Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực địa phương, múi chiếu 3⁰) và hệ tọa độ WGS84.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Thông số kỹ thuật đường thủy nội địa ...(1)..... (định kỳ)

..... (2) ... thông báo thông số kỹ thuật đường thủy nội địa như sau:

1. Tên đường thủy nội địa:(1)... .. Cấp kỹ thuật:
2. Chiều dài (L), chiều rộng (B), chiều sâu (H), bán kính cong (R) và chiều rộng hành lang bảo vệ:
3. Phạm vi đường thủy nội địa:

TT	Tên điểm	Lý trình (km...)	Địa danh (xã, phường, đặc khu / tỉnh, thành phố)	Hệ tọa độ VN- 2000		Hệ tọa độ WGS- 84	
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
1	Điểm đầu						
2	Điểm tìm luồng, điểm giao cắt với các tuyến khác						
3	Điểm kết thúc						

- #### 4. Tình hình luồng:

TT	Tên vật chướng ngại, công trình trên đường thủy nội địa	Lý trình (km...)	Địa danh (xã, phường, đặc khu / tỉnh, thành phố)	Các đặc trưng luồng			
				Độ sâu hoặc tính không			Chiều rộng đáy luồng (B)
				Nhỏ nhất (h _{min})	Lớn nhất (h _{max})	Thực đo (h)	
1							
2							

- ## 5. Bãĩ can, đũa can

[illegible]

2									
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--

6. Một số vấn đề khác:

Nơi nhận:

-;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên đường thủy nội địa.
- (2) Cơ quan thông báo đường thủy nội địa.

THỦ TRƯỞNG (1)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Mẫu số 06

CƠ QUAN THÔNG BÁO
LUÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO**Thông số kỹ thuật đường thủy nội địa ...(1).....(Thường xuyên/đột xuất)**

Căn cứ;

..... (2)..... Thông báo thông số kỹ thuật đường thủy nội địa (thường xuyên/đột xuất) như sau:

1. Tên luồng:
2. Khu vực có bãi cạn/tình huống đột xuất:
3. Tình hình mực nước

TT	Sông	Trạm chính	Mực nước lớn nhất (Hmax)		Mực nước nhỏ nhất (Hmin)	
			Mực nước	Thời gian	Mực nước	Thời gian

4. Tình hình luồng

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	

5. Những điều cần lưu ý

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG (2)

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Khu vực hoặc vị trí (lý trình) hoặc sông, kênh.
- (2) Cơ quan thông báo đường thủy nội địa.

Mẫu số 07

TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**Thông báo thông số kỹ thuật đường thủy nội địa ... (1).....**

Kính gửi:(2).....

Căn cứ..... ;

Tên tổ chức, cá nhân: ...(Nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)...

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị... (2)..... công bố thông báo thông số kỹ thuật đường thủy nội địa ... (1)....., với nội dung sau:

1. Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(3)

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu....., tỉnh (thành phố)....

Tọa độ:(3)

2. Chiều dài luồng đường thủy nội địa:km. Từ km thứ đến km thứ

3. Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:

4. Thông số kỹ thuật đường thủy nội địa:

a) Chiều rộng:

b) Chiều sâu:

c) Bán kính cong nhỏ nhất:

5. Loại luồng (quốc gia, địa phương, chuyên dùng):

6. Công trình hiện có trên luồng (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền):

7. Thời gian bắt đầu khai thác (hoặc đóng) đường thủy nội địa:

8. Các nội dung khác (nếu có):

9. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Đề nghị(2)..... xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;

THỦ TRƯỞNG (4)

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên đường thủy nội địa.
- (2) Cơ quan thông báo.
- (3) Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trục địa phương, múi chiều 3^0) và hệ tọa độ WGS84.
- (4) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Mẫu số 08

TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng....(1)...**

Kính gửi:(2).....

Căn cứ

Tên tổ chức hoặc cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị(2)..... xem xét, thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng (1)..... với các thông tin dưới đây:

1. Sự cần thiết xây dựng luồng:
 2. Quy mô, lý trình, địa danh khu vực luồng (các điểm giới hạn phạm vi công trình theo hệ tọa độ VN-2000):
 3. Các thông số kỹ thuật cơ bản của luồng:(bề rộng, chiều sâu chạy tàu, bán kính cong, mực nước thiết kế của luồng).
 4. Công trình hiện có trên luồng (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền)....
 5. Phân kỳ đầu tư.....
 6. Thời gian khai thác (dự kiến).....
 7. Nội dung khác (nếu có):
 8. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:
- Đề nghị(2)..... xem xét, trả lời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG (3)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Tên đường thủy nội địa.
- (2) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.
- (3) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Mẫu số 09

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng, bến thủy nội địa / khu neo
đậu / bến khách ngang sông / công trình tạm**

Kính gửi:(1)

Căn cứ;

Tên tổ chức, cá nhân:....(Nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước).....

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng (cảng, bến thủy nội địa/bến khách ngang sông/ khu neo
đậu/ công trình tạm)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ(2).....

Từ km thứ đến km thứ

Trên (bên) bờ phải hay bờ trái) sông, kênh.....

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố

2. Quy mô dự kiến.....

3. Mục đích sử dụng

4. Phạm vi sử dụng

- Khu đất:

- Vùng nước (khu nước):.....

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện với món nướcm.

6. Thời gian thực hiện:

7. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực địa phương, múi chiều 3^0) và hệ tọa độ WGS84.

Mẫu số 10

TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**Công bố mở cảng thủy nội địa / bến thủy nội địa / bến khách ngang sông
.....(2).....**

Kính gửi:(1)

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: ...(Nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)...

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố mở cảng (bến)(2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ(3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh, ...

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố

2. Cảng (bến) thuộc loại Cấp kỹ thuật của cảng
(bến)

3. Phạm vi sử dụng:

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến),
số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi,
kết nối các phương thức vận tải khác,...).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước vùng neo chờ.....tại vị trí có tọa độ (3)

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Tiếp nhận phương tiện với mớn nước m.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày....tháng....năm... đến ngày
...tháng...năm...(theo thời hạn sử dụng đất hoặc không quá thời hạn hoạt động
của dự án được ghi trong giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan có thẩm quyền
hoặc không quá 03 năm đối với kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tạm thời)

11. Hồ sơ gửi kèm:

12. Cam kết: Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.
- (2) Tên cảng (bến),...
- (3) Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực địa phương, múi chiều 3⁰) và hệ tọa độ WGS84. Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

Mẫu số 11

TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**Công bố mở khu neo đậu(1)**

Kính gửi:(2).....

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: ..(Nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)...

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):.....

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố mở khu neo đậu(1)

1. Vị trí có tọa độ(3)

Cách bờ (phải hay trái)sông, kênh và cách biên luồng chính
.....m; nằm ngoài / trong hành lang bảo vệ đường thủy nội địa:.....

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố

2. Mục đích sử dụng:

3. Phạm vi khu nước sử dụng:

4. Thiết bị, phao neo đậu phương tiện:

5. Phương tiện, thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Dự kiến tiếp nhận phương tiện với món nước m.

7. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung văn bản này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Tên khu neo đậu.

(3) Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực địa phương, múi chiều 3⁰) và hệ tọa độ WGS84.**TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)**

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 12

CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố mở/công bố hoạt động cảng (bến) thủy nội địa/bến khách
ngang sông / công trình tạm(1).....**

.....(2).....

Căn cứ

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Công bố mở (Công bố hoạt động) cảng (bến) thủy nội địa /bến khách ngang sông / công trình tạm(1).....Tại vị trí có tọa độ: (Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực địa phương, múi chiều 3⁰) và hệ tọa độ WGS84)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) tỉnh / thành phố

Của (tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ trụ sở

Số điện thoại số Fax

Loại cảng (bến)(cảng thủy nội địa, cảng khô, cảng container, cảng du thuyền, cảng cá, cảng hàng rời).....

Cấp kỹ thuật của cảng

Vùng đất của cảng (bến)

Kết cấu công trình cảng (bến)(3).....

Được phép tiếp nhận phương tiện với mớn nướcm.

Mục đích sử dụng: ...(hàng hóa, chuyên dùng, hành khách, hỗn hợp, container)....

Vùng nước của cảng (bến) theo bình đồ (sơ đồ) vùng nước cảng (bến) do cơ quan, đơn vị thực hiệnngàytháng ...năm ...; Chiều dài....., chiều rộng.....

Thiết bị xếp, dỡ

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày...tháng...năm...đến ngày...tháng...năm...

Điều 4. ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Chức danh Người có thẩm quyền quyết định (2)

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên công trình.

(2) Chức danh Người có thẩm quyền quyết định.

(3) Liệt kê cụ thể công trình chính và các cầu tàu, công trình phụ trợ, các thiết bị xếp dỡ cố định như băng tải, cần trục điện.

- Đối với công bố hoạt động chỉ ghi nội dung thay đổi theo quy định, các nội dung khác giữ nguyên như Quyết định cũ.

Mẫu số 13

CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố mở/công bố hoạt động khu neo đậu.....(1).....
.....(2).....***Căn cứ*;*Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố mở/công bố lại/gia hạn khu neo đậu
Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Nay công bố mở/công bố hoạt động khu neo đậu:(1)

Thuộc tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại số Fax:

Ngàydo (cơ quan)

Vị trí có tọa độ(3) ...cách bờ (phải hay trái) ...sông, kênh...cách luồng
chính...m;

Thuộc xã (phường, đặc khu) tỉnh /thành phố

Mục đích sử dụng:

Phạm vi vùng nước sử dụng:

Có khả năng tiếp nhận phương tiện với món nước.....m.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký đến ngày ...tháng...năm**Điều 4.** ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi
hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;

- ...;

- Lưu: VT,...

**Chức danh Người có thẩm quyền quyết
định (2)***(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Tên công trình.

(2) Chức danh Người có thẩm quyền quyết định.

(3) Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực địa phương, múi chiều 3^0) và hệ tọa độ WGS84.

- Đối với công bố hoạt động chỉ ghi nội dung thay đổi theo quy định, các nội dung khác giữ nguyên như Quyết định cũ.

Mẫu số 14

CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố đóng cảng (bến) thủy nội địa/công trình tạm ...(1).....
.....(2).....***Căn cứ*;*Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Nay công bố đóng cảng (bến) thủy nội địa / công trình tạm.....(1)....Tại vị trí có tọa độ:(Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực địa phương, múi chiều 3⁰) và hệ tọa độ WGS84).

Từ km thứđến km thứ

Trên bờ (phải hay trái)sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phốcủa (tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ trụ sở

Số điện thoại số Fax

Lý do:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày... tháng...năm ...**Điều 3.**, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Chức danh Người có thẩm quyền quyết định
(2)****Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

*(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Tên công trình.

(2) Chức danh Người có thẩm quyền quyết định.

Mẫu số 15

TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**Có ý kiến về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình
.....(2)..... hoặc hoạt động**

Kính gửi:(1).....

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: (Nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)...

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng công trình (tổ chức hoạt động,...)(2)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ(3)

Từ km thứ..... đến km thứ

Bên bờ (phải hay trái) sông, kênh):

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố.

2. Quy mô dự kiến xây dựng (hoạt động,...):

3. Mục đích sử dụng:

4. Mức độ ảnh hưởng đến an toàn giao thông:

5. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên Cơ quan có thẩm quyền có ý kiến.

(2) Tên công trình, hoạt động,...

(3) Trên bờ hay dưới nước; sử dụng Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực địa phương, múi chiều 3⁰) và hệ tọa độ WGS84.

- **Đối với các vùng nước nuôi trồng thủy sản, vùng nước neo đậu phương tiện thủy hoặc kinh doanh nhà hàng nổi, tổ chức, cá nhân đề nghị phải lấy xác nhận của chính quyền địa phương có vùng nước.**

Mẫu số 16

TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa****Công trình (hoặc hoạt động):(2)....**

Kính gửi:(1).....

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: (Nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)...

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị... (1) ... xem xét có ý kiến phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa đối với công trình/hoạt động (2)..... với các thông tin như sau:

1. Tên công trình (hoặc hoạt động):

2. Vị trí công trình (hoặc hoạt động) có tọa độ(3)

Từ km thứ..... đến km thứ

Bên bờ (phải hay trái) sông, kênh):

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố.....

3. Thời gian thực hiện:

4. Phương án bảo đảm an toàn giao thông:

5. Bản sao văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

6. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
- (2) Tên công trình (hoặc hoạt động).
- (3) Trên bờ hay dưới nước; sử dụng Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực địa phương, múi chiều 3^0) và hệ tọa độ WGS84.

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa

Công trình (hoặc hoạt động):(2)....

Kính gửi:(1).....

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: (Nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị... (1) ... công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa để bảo đảm an toàn giao thông thủy trong quá trình thi công (hoặc hoạt động)..... (2) với các thông tin như sau:

1. Tên công trình (hoặc hoạt động):
2. Vị trí công trình (hoặc hoạt động):
3. Thời gian thực hiện:
4. Phương án bảo đảm an toàn giao thông:(theo phương án được chấp thuận)
5. Hồ sơ gửi kèm gồm:
(Phương án bảo đảm an toàn giao thông)

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
- (2) Đầu tư, xây dựng, thi công, khai thác, hoạt động... tên công trình.
- (3) Tên khu vực, tuyến, luồng, vùng nước...

